

Số: 192/QĐ-DBĐHDTTW

Phủ Thọ, ngày 23 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt kết quả xét chuyển học sinh
hoàn thành chương trình dự bị đại học vào trường Đại học Sư phạm Hà Nội**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC TRUNG ƯƠNG

Căn cứ Thông tư số: 24/2011/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường dự bị đại học;

Căn cứ Thông tư số: 41/2013/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của trường dự bị đại học ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số: 44/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh, bồi dưỡng dự bị đại học; xét chuyển vào trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non đối với học sinh dự bị đại học;

Căn cứ Công văn số: 66/DBĐHDTTW-KHTC, ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương về việc đăng ký chỉ tiêu xét chuyển đối tượng học sinh thuộc diện chính sách theo Thông tư số 44/2021/TT-BGDĐT vào đại học năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số: 125/DHSPHN-ĐT ngày 12 tháng 02 năm 2025 của trường Đại học Sư phạm Hà Nội, về việc tiếp nhận chỉ tiêu xét tuyển vào đại học chính quy năm 2025;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét chuyển học sinh ngày 13 tháng 6 năm 2025 về việc xét chuyển học sinh theo nguyện vọng tham gia xét tuyển vào học đại học hệ chính quy từ năm học 2025 – 2026 tại các cơ sở giáo dục đại học;

Xét đề nghị của Phó Hiệu Trưởng phụ trách công tác xét chuyển,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xét chuyển 29 học sinh theo nguyện vọng tham gia xét tuyển vào học đại học hệ chính quy từ năm học 2025 – 2026 tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Học sinh có trách nhiệm theo dõi, thực hiện các thủ tục xét tuyển theo hướng dẫn của cơ sở giáo dục đại học và thanh toán hết các khoản công nợ đối với Nhà trường.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Bồi dưỡng - Quản lý chất lượng, Trưởng phòng Kế hoạch, tài chính – Quản trị, trưởng các đơn vị có liên quan và các học sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /s. *Thuy*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, KHTCQT



HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Tuấn Anh

BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO
TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC TRUNG ƯƠNG

DANH SÁCH XÉT CHUYỂN HỌC SINH HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH DỰ BỊ ĐẠI HỌC THEO NGUYỄN VỌNG THAM GIA
XÉT TUYỂN VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI, NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số: 192/QĐ-DBĐHDTTƯ, ngày 23 tháng 6 năm 2025)

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Số CMND/CCCD	Điện thoại cá nhân	Kết quả bồi dưỡng Dự bị đại học					Tên ngành	Mã ngành	
								TB Môn 1	TB Môn 2	TB Môn 3	Điểm TBC các môn bồi dưỡng theo THPT	Kết quả học tập			Kết quả rèn luyện
1	Nông Thảo Nhi	Nữ	14/07/2006	Mông	K50C17	004306004460	0865701026	8,3	8,7	9,1	8,7	Giỏi	Tốt	Giáo dục chính trị	7140205
2	Đinh Thị Ngọc Hoa	Nữ	07/04/2006	Mường	K50C14	025306007883	0349366013	9,0	8,5	9,1	8,9	Giỏi	Tốt	Giáo dục công dân	7140204C
3	Hoàng Văn Sơn	Nam	18/06/2006	Tày	K50C14	004206006659	0376024593	8,3	9,3	9,3	9,0	Giỏi	Tốt	GDQP và AN	7140208C
4	Hoàng Tuấn Tú	Nam	15/07/2006	Mường	K50C3	001206072894	0376594769	7,9	8,4	8,4	8,2	Giỏi	Tốt	GDQP và AN	7140208C
5	Ma Văn Sinh	Nam	15/09/2006	Mông	K50C13	010206000126	0814078112	8,4	8,0	8,0	8,1	Giỏi	Tốt	GDQP và AN	7140208C
6	Mã Thị Thu Hà	Nữ	05/07/2006	Tày	K50C8	004306006562	0822769186	8,1	8,7	8,8	8,5	Giỏi	Tốt	Giáo dục thể chất	7140206
7	Ma A Ninh	Nam	14/12/2006	Mông	K50C3	010206008170	0384587453	7,6	9,0	8,7	8,4	Giỏi	Tốt	Giáo dục thể chất	7140206
8	Si Phương Thảo	Nữ	15/07/2006	Thái	K50D4	014306002238	0979020024	9,2	8,8	9,1	9,0	Xuất sắc	Tốt	Giáo dục tiểu học	7140202A
9	Đặng Mai Linh	Nữ	27/02/2006	Thái	K50D5	017306007257	0829082048	9,1	9,0	9,5	9,2	Xuất sắc	Tốt	GDTH-SP Tiếng Anh	7140202
10	Lương Tuyết Mai	Nữ	14/06/2006	Nùng	K50C3	004306006253	0981312767	9,0	8,9	8,4	8,8	Giỏi	Tốt	SP Địa lý	7140219

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân Tộc	Lớp	Số CMND/CCCD	Điện thoại cá nhân	Kết quả bồi dưỡng Dự bị đại học					Ngành xét chuyển				
								TB Môn 1	TB Môn 2	TB Môn 3	Điểm TBC các môn bồi dưỡng theo THPT	Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện	Tên ngành	Mã ngành		
11	Hoàng Thị Thu Hằng	Nữ	12/09/2006	Tày	K50C13	002306008072	0329907412	8,4	8,6	8,8	8,6	Giỏi	Tốt	SP Địa lý		7140219C	
12	Lý Công Sĩ	Nam	11/07/2006	Dao	K50C8	008206007428	0396383653	7,4	9,1	8,5	8,3	Giỏi	Tốt	SP Địa lý		7140219C	
13	Trần Thị Hương Giang	Nữ	29/6/2006	Nùng	K50A5	020306001220	0822618086	9,7	9,3	9,6	9,5	Xuất sắc	Tốt	SP Hóa học		7140212	
14	Bùi Tiến Đạt	Nam	27/02/2006	Mường	K50C8	011206002224	0357965443	8,4	9,5	9,4	9,1	Giỏi	Tốt	SP Lịch sử		7140218PT1	
15	Vì Thị Kim Ngân	Nữ	18/07/2006	Tày	K50C6	008306004024	0862052048	8,6	8,4	8,5	8,5	Giỏi	Tốt	SP Lịch sử - Địa lý		7140249PT1	
16	Quảng Thị Bích Diệp	Nữ	11/08/2006	Thái	K50C14	014306004801	0815013012	8,1	8,8	7,7	8,2	Giỏi	Tốt	SP Lịch sử - Địa lý		7140249C	
17	Hoàng Thị Hồng Diệp	Nữ	08/12/2006	Tày	K50C14	004306003080	0981050084	8,6	8,1	7,8	8,2	Giỏi	Tốt	SP Lịch sử - Địa lý		7140249A	
18	Nguyễn Thị Phương Anh	Nữ	03/02/2006	Tày	K50C8	015306005144	0839103400	8,8	8,7	8,9	8,8	Giỏi	Tốt	SP Ngữ văn		7140217	
19	Đặng Huyền Trân	Nữ	09/07/2006	Nùng	K50D1	004306000535	0392633162	8,7	7,7	9,3	8,6	Giỏi	Tốt	SP Tiếng Anh		7140231	
20	Hoàng Hải Anh	Nam	03/9/2006	Nùng	K50A6	020206007355	0704157120	8,3	8,3	9,0	8,5	Giỏi	Tốt	SP Tin học		7140210	
21	Sạch Hoàng Hải	Nam	08/02/2006	Nùng	K50A8	004206000703	0888204290	8,3	8,7	8,2	8,4	Giỏi	Tốt	SP Toán học		7140209PT1	
22	Nguyễn Tuyết Lan	Nữ	08/03/2006	Tày	K50C1	002306000217	0339543206	7,2	8,3	8,4	8,0	Khá	Tốt	Tâm lý học		7310401	
23	Lê Anh Đức	Nam	18/6/2006	Kinh	K50A6	015206002002	0347710358	9,0	9,6	9,8	9,4	Giỏi	Tốt	Toán học		7460101	
24	Hà Việt Quang	Nam	01/4/2006	Tày	K50A5	006206002122	0389642006	9,3	8,7	9,1	9,0	Giỏi	Tốt	Toán học		7460101A	

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Số CM/ND/CCC D	Điện thoại cá nhân	Kết quả bồi dưỡng Dự bị đại học					Ngành xét chuyển		
								TB Môn 1	TB Môn 2	TB Môn 3	Điểm TBC các môn bồi dưỡng theo THPT	Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện	Tên ngành	Mã ngành
25	Phạm Yến	Nữ	27/08/2006	Tày	K50C9	002306001002	0816286326	8,6	9,1	8,6	8,8	Khá	Tốt	Văn học	7229030
26	Ngô Huyền	Nữ	30/06/2005	Tày	K50C10	020305001873	0777495520	8,9	8,6	8,2	8,6	Giỏi	Tốt	Văn học	7229030C
27	Quàng Việt	Nam	10/09/2006	Thái	K50A5	011206003263	0327493960	9,6	9,4	9,3	9,4	Khá	Tốt	Công nghệ thông tin	7480201
28	Lò Văn	Nam	16/02/2006	Thái	K50B3	014206002027	0389178169	8,9	7,8	7,0	7,9	Khá	Tốt	Hóa học	7440112B
29	Lục Lâm	Nữ	24/03/2006	Nùng	K50D5	004306007237	0845976885	8,0	8,2	8,0	8,0	Giỏi	Tốt	Ngôn ngữ Anh	7220201

Danh sách gồm 29 học sinh (A00: Toán - Lý - Hóa; B00: Toán - Hóa - Sinh; C00: Văn - Sử - Địa; C19: Văn - Sử - Giáo dục công dân; D01: Toán - Văn - T. Anh)/.



K.T. Hiệu trưởng
Phó Hiệu trưởng

ThS. Hồ Thị Bích Thủy

Xác nhận dữ liệu của Phòng BDQLCL
Trưởng phòng

ThS. Lương Thị Hồng Khuyến

Người lập biểu

ThS. Lê Thị Hoàng

